

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 173/2025/DS-ST

Ngày: 13 – 5 – 2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hường

2. Bà Nguyễn Kim Lên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Tuyết Ngân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên (có mặt).

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 652/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2024/QĐXX-ST ngày 15/02/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng.

Địa chỉ: Số 02, Đường L.H, Phường T, Quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của nguyên đơn:

Ông Phạm Toàn V, Chức vụ: Tổng Giám đốc của Ngân hàng.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Châu Đông D, Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng chi nhánh T (Văn bản ủy quyền ngày 08/6/2023 – xin vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L.D (nay là ấp R.B), xã P.L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1958 (vợ ông S, vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn M (con ông S, vắng mặt);

- + Chị Nguyễn Thị Đ (vợ anh M, vắng mặt);
- + Anh Nguyễn Lữ V (con ông S, vắng mặt);
- + Chị Nguyễn Mỹ D (vợ anh V, vắng mặt);
- + Anh Nguyễn Bình Kh (con ông S, vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L.D (nay là ấp R.B), xã P.L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 08/6/2023, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/11/2020, Ngân hàng chi nhánh huyện T (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Văn S đã ký 02 hợp đồng tín dụng số: 7504-LAV-202006210/HĐTD cho vay số tiền 180.000.000đ; mục đích vay nuôi trồng thủy sản, trồng lúa và chăn nuôi; mức lãi suất cho vay trên từng giấy nhận nợ, có thay đổi theo từng thời kỳ; thời hạn vay 12 tháng. Quá trình vay, ông S chưa thanh toán vốn và lãi cho Ngân hàng. Hợp đồng tín dụng số: 7504-LAV-2006211/HĐTD cho vay số tiền 200.000.000đ; mục đích vay nuôi trồng thủy sản, trồng lúa và chăn nuôi; mức lãi suất cho vay trên từng giấy nhận nợ, có thay đổi theo từng thời kỳ; thời hạn vay 36 tháng. Quá trình vay, ông S chưa thanh toán vốn và lãi cho Ngân hàng.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc các thửa 468, 470, 471, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp L.D, xã P.L, huyện T, tỉnh Cà Mau, theo hợp đồng thế chấp tài sản số: LD0329/HĐTC ngày 28/9/2015 được chứng thực của Ủy ban nhân dân xã P.L.

Từ nội dung trên, Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn S phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc của 02 hợp đồng tín dụng là 380.000.000đ, tiền lãi tính đến hết ngày 13/5/2025 của 02 hợp đồng là 198.520.630đ, tổng các khoản là 578.520.630đ. Thời gian và phương thức thanh toán nợ sẽ do Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xem xét, quyết định trong giai đoạn thi hành án.

Trường hợp ông S không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc các thửa 468, 470, 471, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp L.D (nay là ấp R.B), xã P.L, huyện T, tỉnh Cà Mau, theo hợp đồng thế chấp tài sản số: LD0329/HĐTC ngày 28/9/2015 được chứng thực của Ủy ban nhân dân xã P.L để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

* Trong biên bản hòa giải ngày 28/8/2023, ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông thừa nhận có ký 02 hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng chi nhánh huyện T để vay số tiền gốc 380.000.000đ, mục đích vay để nuôi trồng thủy sản, trồng lúa và chăn nuôi. Quá trình vay do mùa vụ thất bại, không đạt hiệu quả nên mất khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng. Hiện ông xác định còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 485.454.904đ tính đến ngày 05/6/2023 và đồng ý thanh toán số nợ này. Tuy nhiên, hiện ông tuổi đã cao, không còn khả năng lao động nên xin Ngân

hàng cho ông trả hàng quý khoảng 17.000.000đ hoặc cho vay thêm để ông đầu tư nuôi công nghiệp mới có khả năng trả nợ Ngân hàng, nếu không được thì ông không còn cách khác.

Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất hiện ông đã cắt ra chia cho các con ông trực tiếp sản xuất và cất nhà ở gồm: Nguyễn Văn M 05 công; Nguyễn Lữ V 05 công; Nguyễn Bình Kh 05 công.

Trường hợp ông không trả nợ được cho Ngân hàng thì ông cũng không muốn giao tài sản thế chấp để bán phát mãi trả nợ, vì tài sản này là nguồn sống duy nhất của gia đình ông, nếu bán đi thì gia đình ông không biết sống như thế nào nữa. Vì vậy, ông xin Ngân hàng cho ông trả dần. Tại phiên tòa, ông S vắng mặt không rõ lý do.

* Đối với bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị Đ, anh Nguyễn Lữ V, chị Nguyễn Mỹ D, anh Nguyễn Bình Kh vắng mặt không lý do.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tổ tụng dân sự quy định. Đối với các đương sự vắng mặt không lý do là không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền 578.520.630đ; chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: LD0329/HĐTC ngày 28/9/2015, được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã P.L, huyện T, tỉnh Cà Mau. Về chi phí tố tụng và án phí, đề nghị xử lý theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đối với ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị Đ, anh Nguyễn Lữ V, chị Nguyễn Mỹ D, anh Nguyễn Bình Kh đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên họp hoà giải và xét xử nhiều lần do ông S nhận các văn bản tố tụng nhưng ông S chỉ có mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, còn các đương sự khác vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự có tên nêu trên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Đối với việc đề nghị vắng mặt của đại diện Ngân hàng, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đại diện Ngân hàng theo quy định.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, có quy định thời hạn và có lãi suất. Hợp đồng tín dụng được thiết lập trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận của hai bên và phù hợp pháp luật, đồng thời trong quá trình thực hiện các hợp đồng, bị đơn đã vi phạm

nghĩa vụ thanh toán, cụ thể là không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng nên được chấp nhận làm cơ sở thanh lý hợp đồng.

[3] Căn cứ hợp đồng tín dụng số: 7504-LAV-202006210/HĐTD và hợp đồng tín dụng số: 7504-LAV-2006211/HĐTD cùng ngày 05/11/2020 được thiết lập giữa Ngân hàng chi nhánh huyện T với ông Nguyễn Văn S thể hiện ông S có vay nợ tại Ngân hàng này số nợ gốc của 02 hợp đồng là 380.000.000đ và lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã giao kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng xác định rằng ông S chưa thanh toán khoản nợ nào cho Ngân hàng. Vì vậy, có cơ sở xác định hiện tại ông S còn nợ Ngân hàng tổng các khoản nợ 578.520.630đ chưa thanh toán nên cần buộc ông S phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi nêu trên cho Ngân hàng là hoàn toàn phù hợp. Việc bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến phản hồi và không có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên các đương sự này phải gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp: Quá trình khởi kiện, nguyên đơn có đặt ra yêu cầu thanh lý tài sản thế chấp. Xét thấy, khi ông Nguyễn Văn S vay nợ của Ngân hàng chi nhánh huyện T có bảo đảm bằng tài sản thế chấp của mình theo hợp đồng thế chấp số: LD0329/HĐTC ngày 28/9/2015 được chứng thực của Ủy ban nhân dân xã P.L, huyện T, tỉnh Cà Mau. Việc thế chấp thỏa mãn theo những điều kiện luật định đồng thời ông S đã vi phạm hợp đồng, mất khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng nên được xem xét chấp nhận xử lý tài sản thế chấp của ông S để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng là có căn cứ.

[5] Trong khối tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ vay vốn của ông S, theo ông cho rằng đã cắt ra chia cho các con ông trực tiếp sản xuất và cất nhà ở gồm: Nguyễn Văn M 05 công; Nguyễn Lữ V 05 công; Nguyễn Bình Kh 05 công nhưng việc cho tặng chỉ thể hiện bằng lời nói, chưa chia tách thành khoảnh, không có cơ sở pháp lý thể hiện. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất của ông S thể hiện ngoài căn nhà của gia đình ông S còn có căn nhà của vợ chồng anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị Đ đang ở. Tòa án đã thông báo cho anh M và chị Đ cùng các đương sự có liên quan khác thực hiện quyền yêu cầu độc lập của mình và yêu cầu đơn vị đo đạc, thẩm định giá tiến hành việc đo đạc và thẩm định giá đối với tài sản mình đang quản lý, sử dụng để Tòa án xem xét nhưng không ai có ý kiến phản hồi hay yêu cầu vấn đề gì. Do đó, cần buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại ấp R.B, xã P.L, huyện T, tỉnh Cà Mau, theo hợp đồng thế chấp số: LD0329/HĐTC ngày 28/9/2015 được chứng thực của Ủy ban nhân dân xã P.L, huyện T, tỉnh Cà Mau cho Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi để bảo đảm thanh toán nợ cho Ngân hàng là có căn cứ.

[6] Từ những nhận định, đánh giá nêu trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[7] Do phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng nên ông S phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông S là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 nên xét miễn án phí có giá ngạch cho ông S là phù hợp. Ngân hàng không phải chịu án phí, đã nộp tạm ứng án phí sẽ được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 299, 301, 303, 317, 357, 422, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước;
- Căn cứ các Điều 147, 157, 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng các khoản là: 578.520.630đ, trong đó, nợ gốc 380.000.000đ, nợ lãi 198.520.630đ.

Buộc ông Nguyễn Văn S phải hoàn trả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng số tiền 400.000đ

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị Đ, anh Nguyễn Lữ V, chị Nguyễn Mỹ Duyên, anh Nguyễn Bình Kh giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại ấp L.D, nay là ấp R.B, xã P.L, huyện T, tỉnh Cà Mau, theo hợp đồng thế chấp số: LD0329/HĐTC ngày 28/9/2015 được chứng thực của Ủy ban nhân dân xã P.L, huyện T, tỉnh Cà Mau cho Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau phát mãi để bảo đảm thanh toán nợ cho Ngân hàng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn S là người cao tuổi nên xét miễn cho ông S theo quy định. Ngân hàng không phải chịu án phí, ngày 02/8/2023 Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí số tiền 11.709.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau theo biên lai số: 7174 được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngân hàng, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị Đ, anh Nguyễn Lữ V, chị Nguyễn Mỹ D, anh Nguyễn Bình Kh được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ.

Hứa Minh Hải